

Số: 1681 /QĐ-SGDĐT

Sóc Trăng, ngày 08 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành tiêu chí chấm điểm cải cách hành chính các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2023 và những năm tiếp theo

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND ngày 04/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ ý kiến góp ý của các đơn vị trực thuộc Sở GDĐT về dự thảo Quyết định ban hành tiêu chí chấm điểm cải cách hành chính (CCHC) năm 2023 và những năm tiếp theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Tiêu chí chấm điểm CCHC các đơn vị trực thuộc Sở GDĐT năm 2023 và những năm tiếp theo theo bảng tiêu chí chấm điểm CCHC đính kèm.

Điều 2. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở GDĐT sử dụng Tiêu chí chấm điểm CCHC ban hành kèm theo Quyết định này tổ chức đánh giá kết quả công tác CCHC của đơn vị hàng năm kể từ năm 2023 và báo cáo kết quả tự đánh giá kèm theo tài liệu minh chứng (bản mềm) gửi Sở GDĐT chậm nhất ngày 22/12 của năm đánh giá.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 370/QĐ-SGDĐT ngày 24/3/2022 của Giám đốc Sở GDĐT về việc ban hành Tiêu chí chấm điểm CCHC các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở GDĐT năm 2022 và những năm tiếp theo.

Điều 4. Các ông (bà) Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Sở GDĐT, thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở GDĐT căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, TCCB.



GIÁM ĐỐC

Châu Tuấn Hồng

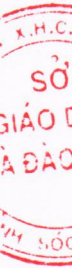
**TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CÁC ĐƠN VỊ
TRỰC THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM 2023 VÀ NHỮNG NĂM
TIẾP THEO**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1681 /QĐ-SGDĐT ngày 08 / 9 /2023 của
Sở GDĐT)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Sở GDĐT đánh giá	Gợi ý tài liệu minh chứng
	TỔNG ĐIỂM = I+II+III+IV+V+VI+VII	50			
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (CCHC) = 1+2+3+4+5+6+7	24			
1	Kế hoạch thực hiện CCHC	3			
1,1	Đạt yêu cầu về nội dung (đủ nhiệm vụ (từ 30 nhiệm vụ trở lên), rõ sản phẩm, rõ trách nhiệm, có dự kiến thời gian hoàn thành từng nhiệm vụ)	0,5			Kế hoạch thực hiện CCHC
1,2	Đạt yêu cầu về thời gian (trong vòng 15 ngày, kể từ ngày Sở GDĐT ban hành kế hoạch CCHC)	0,5			Kế hoạch thực hiện CCHC
1,3	Mức độ triển khai kế hoạch CCHC hàng năm (lưu ý: Số nhiệm vụ theo Kế hoạch từ 30 nhiệm vụ trở lên) Điểm đạt được tính theo công thức sau: (Tỷ lệ % kết quả đạt được x 2,0 điểm):100%	2			Báo cáo CCHC kèm biểu thống kê các nội dung đã thực hiện trên tổng số nội dung đề ra theo kế hoạch.
2	Tuyên truyền CCHC	7			
2,1	Kế hoạch tuyên truyền CCHC: - Kế hoạch quy định rõ nội dung, hình thức tuyên truyền và công việc thực hiện hàng tháng: 0,5đ. Không quy định rõ hoặc không có kế hoạch: 0đ. - Thực hiện đạt 100% theo nội dung kế hoạch đề ra: 1,5đ.	2			KH tuyên truyền CCHC và báo cáo CCHC
2,2	Tham gia hội thi CCHC: - Đạt chỉ tiêu, yêu cầu do Sở GDĐT quy định: 2đ. - Có thành tích cá nhân hoặc tập thể khi tham gia hội thi CCHC: 1,5đ.	3,5			BC của đơn vị; thông báo giải trong Hội thi CCHC

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Sở GDĐT đánh giá	Gợi ý tài liệu minh chứng
2,3	<i>Thực hiện đăng tải văn bản chỉ đạo điều hành CCHC và tin, bài liên quan đến CCHC (ít nhất 6 văn bản và 6 tin, bài) trên chuyên mục CCHC – website của đơn vị ít nhất 01 văn bản hoặc tin, bài/tháng (0,125 đ x 12 bài)</i>	1,5			Thống kê tên văn bản chỉ đạo điều hành CCHC, tin, bài liên quan đến CCHC đăng trên chuyên mục CCHC – website của đơn vị (kèm đường link)
3	Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định	8			
3,1	<i>Báo cáo kết quả thực hiện CCHC 6 tháng (có lồng ghép báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC và kết quả triển khai thực hiện Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 28/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh). Báo cáo chậm nhất ngày 15/6. - BC đạt yêu cầu về nội dung và thời gian: 1đ; - BC không đạt yêu cầu về nội dung hoặc không đạt yêu cầu về thời gian: 0,5 đ; - Không có BC: 0đ.</i>	1			Báo cáo kết quả thực hiện CCHC
3,2	<i>Báo cáo kết quả thực hiện CCHC năm (có lồng ghép báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC và kết quả triển khai thực hiện Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 28/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh). Báo cáo chậm nhất ngày 15/12 - BC đạt yêu cầu về nội dung và thời gian: 1đ; - BC không đạt yêu cầu về nội dung hoặc không đạt yêu cầu về thời gian: 0,5 đ; - Không có BC: 0đ.</i>	1			Báo cáo kết quả thực hiện CCHC
3,3	<i>Thực hiện các báo cáo, nhiệm vụ khác do Sở GDĐT yêu cầu - Hoàn thành 100% các báo cáo, nhiệm vụ do Sở yêu cầu: 6đ - Đơn vị thực hiện chậm trễ, không đạt yêu cầu hoặc chưa thực hiện mỗi báo cáo, nhiệm vụ: trừ 2đ.</i>	6			Thống kê các báo cáo đã thực hiện và chưa thực hiện theo yêu cầu + Theo dõi của Sở GDĐT
4	Giải pháp, sáng kiến trong chỉ đạo điều hành CCHC	1,5			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Sở GDĐT đánh giá	Gợi ý tài liệu minh chứng
4,1	Người đứng đầu phụ trách công tác CCHC	0,5			Quyết định hoặc thông báo phân công nhiệm vụ CCHC cho thủ trưởng đơn vị
4,2	Sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC (sáng kiến phải hiệu quả và có tính mới)	1			Báo cáo sáng kiến, giải pháp mới thực hiện
5	Thực hiện nhiệm vụ do Sở GDĐT giao - Hoàn thành 100% nhiệm vụ Sở giao: 2đ - Đơn vị thực hiện chậm trễ hoặc chưa thực hiện 1 nhiệm vụ: 1.5đ - Đơn vị thực hiện chậm trễ hoặc chưa thực hiện 2 nhiệm vụ: 1đ - Đơn vị thực hiện chậm trễ hoặc chưa thực hiện 3 nhiệm vụ trở lên: 0đ	2			Thông kê các nhiệm vụ do Sở giao, các nhiệm vụ đã thực hiện (bao gồm các nhiệm vụ thực hiện trễ) và các nhiệm vụ chưa thực hiện
6	Đóng góp cải thiện Chỉ số CCHC của Sở GDĐT hàng năm - Đơn vị thực hiện đầy đủ, kịp thời nhiệm vụ được giao không làm ảnh hưởng đến Chỉ số CCHC của Sở GDĐT trong năm trước liền kề: 1đ - Đơn vị chưa thực hiện đầy đủ, kịp thời nhiệm vụ được giao làm ảnh hưởng đến Chỉ số CCHC của Sở GDĐT trong năm trước liền kề: 0đ	1			Báo cáo giải trình của đơn vị
7	Nâng cao điểm CCHC của đơn vị và được khen thưởng CCHC trong năm trước liền kề - Điểm CCHC năm sau cao hơn năm trước hoặc điểm CCHC năm sau bằng với điểm CCHC năm trước trong trường hợp đã đạt điểm tối đa: 1đ. Điểm CCHC năm sau bằng năm trước (trường hợp điểm CCHC chưa đạt mức tối đa): 0.5đ. Điểm CCHC năm sau thấp hơn năm trước: 0đ. - Được Sở GDĐT khen thưởng CCHC (cá nhân hoặc tập thể) trong năm trước liền kề: 0,5đ	1,5			Báo cáo điểm CCHC của 2 năm liền kề gần nhất; QĐ khen thưởng CCHC
II	CẢI CÁCH THỂ CHẾ = 1+2+3	3			
1	Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật theo quy định	1			Báo cáo công tác phổ biến, giáo dục pháp luật
2	Triển khai kịp thời các văn bản QPPL, văn bản chỉ đạo của cấp trên đến viên chức, người lao động của đơn vị .	1			Báo cáo của đơn vị


 SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Số GDĐT đánh giá	Gợi ý tài liệu minh chứng
3	Thực hiện quản lý văn bản, lưu trữ hồ sơ theo quy định (1đ) - Thực hiện quản lý văn bản đi -đến theo quy định: 0.5đ - Thực hiện lưu trữ hồ sơ theo quy định: 0.5đ	1			Báo cáo của đơn vị
III	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC) = 1+2+3+4	3			
1	Các TTHC của đơn vị (có quy định rõ thành phần, số lượng hồ sơ; thời hạn giải quyết; quy trình thực hiện...) được niêm yết công khai tại bảng thông báo và website của đơn vị (1đ) - TTHC quy định rõ thành phần, số lượng hồ sơ; thời hạn giải quyết; quy trình thực hiện: 0.5đ - Niêm yết công khai tại bảng thông báo và website của đơn vị: 0.5đ	1			Các TTHC được niêm yết công khai +ảnh chụp thực tế
2	Có phân công nhân sự phụ trách giải quyết TTHC	0,5			QĐ phân công
3	Thông báo công khai địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân	0,5			Thông báo về việc công khai địa chỉ (email, điện thoại ...) tiếp nhận phản ánh, kiến nghị
4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn trong năm: Điểm đánh giá tính theo công thức sau: (Tỷ lệ % hồ sơ đúng hạn x 1)/100%	1			Báo cáo kết quả giải quyết TTHC của đơn vị
IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY = 1+2+3+4+5+6	4			
1	Hội đồng trường được thành lập và hoạt động theo quy định	1			QĐ thành lập, báo cáo của đơn vị, Biên bản họp của HĐ trường
2	Rà soát, hoàn thiện quy chế làm việc theo quy định	0,5			Quy chế làm việc
3	Số lượng lãnh đạo đơn vị và tổ trưởng, tổ phó không vượt số lượng quy định	0,5			BC của đơn vị; danh sách CBQL, GV, nhân viên của đơn vị; QĐ bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; QĐ thành lập tổ.
4	Thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục theo quy định	0,5			Báo cáo của đơn vị kèm theo biên bản công khai

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Sở GDĐT đánh giá	Gợi ý tài liệu minh chứng
5	Tổ chuyên môn và tổ văn phòng được tổ chức và hoạt động theo quy định	0,5			QĐ thành lập tổ
6	Đơn vị có phương án đảm bảo an ninh trật tự; phòng chống dịch bệnh; phòng, chống bạo lực nhà trường (1đ) - Có phương án: 0.5đ - Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường: 0.5đ	1			Phương án kèm báo cáo
V	CẢI CÁCH CÔNG VỤ = 1+2+3+4+5+6+7+8+9	6			
1	Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của viên chức - Trong năm không có viên chức vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính: 1đ - Trong năm có viên chức vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính bị xử lý kỷ luật: 0đ	1			Báo cáo của đơn vị
2	Tiêu chuẩn lãnh đạo, quản lý và tiêu chuẩn hạng chức danh nghề nghiệp viên chức 100% lãnh đạo, quản lý đơn vị đạt tiêu chuẩn của chức danh, chức vụ: 0,5đ. 100% viên chức đạt tiêu chuẩn hạng chức danh nghề nghiệp: 0,5đ.	1			Danh sách lãnh đạo, viên chức trong đó có thống kê các tiêu chuẩn chức danh, chức vụ
3	Hoàn thiện đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đảm bảo chất lượng và đúng thời gian quy định	0,5			Đề án VTVL
4	Thực hiện tinh giản biên chế - 100% hồ sơ/trường hợp đề nghị thực hiện tinh giản biên chế đảm bảo đúng quy định: 0,5đ - Có bất kỳ hồ sơ/trường hợp nào được đề nghị tinh giản biên chế chưa đảm bảo đúng quy định: 0đ	0,5			Báo cáo của đơn vị
5	Phân công, bố trí viên chức, hợp đồng lao động theo vị trí tuyển dụng - Phân công, bố trí viên chức, hợp đồng theo vị trí tuyển dụng: 0,5đ - Tổ chức thực hiện chưa đúng: 0đ	0,5			Các hợp đồng lao động; bảng phân công viên chức
6	Thực hiện đánh giá, phân loại viên chức hàng năm và đánh giá chuẩn nghề nghiệp Thực hiện đánh giá và gửi hồ sơ, báo cáo theo quy định: 0,5đ	0,5			Báo cáo đánh giá hàng năm

VIỆT
UC
TẠO
TRANG

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Sở GDĐT đánh giá	Gợi ý tài liệu minh chứng
7	Đào tạo, bồi dưỡng viên chức (1đ) - Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ: 0.5đ - Số lượng viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng thực hiện đúng theo quy hoạch và kế hoạch của đơn vị: 0,5đ - Số lượng viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng thực hiện không đúng theo quy hoạch và kế hoạch của đơn vị: 0đ	1			Kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện
8	Nâng lương thường xuyên và nâng lương trước thời hạn cho viên chức, người lao động ở đơn vị - Gửi hồ sơ đúng thành phần, thời gian quy định: 0,5đ - Gửi không đúng quy định hoặc còn sai sót: 0đ	0,5			BC của đơn vị + Theo dõi của Sở GDĐT
9	Thực hiện đúng quy định về bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó và tương đương	0,5			BC của đơn vị; QĐ bổ nhiệm
VI	THỰC HIỆN CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG = 1+2+3+4	4			
1	Công khai dự toán năm hiện hành (0.5đ); công khai quyết toán ngân sách năm trước liền kề (0.5đ)	1			Văn bản công khai
2	Đơn vị có xây dựng, cập nhật, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý, sử dụng tài sản công	1			Quy chế chi tiêu nội bộ, sử dụng tài sản công
3	Thực hiện quy định về phân phối kết quả tài chính trong năm hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm và tình hình thanh tra, kiểm toán năm trước liền kề tại các đơn vị sự nghiệp - Không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá và của cơ quan thanh tra, kiểm toán về xử lý tài chính: 1đ - Có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá và của cơ quan thanh tra, kiểm toán về xử lý tài chính: 0đ	1			Báo cáo của đơn vị, kết luận thanh tra, kiểm tra
4	Đơn vị thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý sử dụng tài sản công	1			Giấy công khai theo mẫu
VII	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ = 1+2+3+4+5+6	6			

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm tự chấm	Sở GDĐT đánh giá	Gợi ý tài liệu minh chứng
1	Xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng - Tỷ lệ văn bản trao đổi với các cơ quan, đơn vị dưới dạng điện tử có sử dụng chữ ký số đạt 90% trở lên: 1đ - Từ 80% đến dưới 90%: 0.5đ - Dưới 80%: 0đ	1			Thống kê tổng số văn bản trao đổi với các cơ quan, đơn vị và số văn bản thực hiện dưới dạng điện tử
2	Trang thông tin điện tử của đơn vị (3,0đ) - Cung cấp đầy đủ các thông tin nền theo quy định (Tên đơn vị; tên cơ quan chủ quản; địa chỉ liên lạc, thư điện tử, số điện thoại liên hệ, tên người chịu trách nhiệm quản lý nội dung...): 0.5đ - Cập nhật thông tin, tin bài, thông báo thường xuyên: 0.5đ - Có chuyên mục "Cải cách hành chính" trên website đơn vị: 0.5đ - Chuyên mục "Cải cách hành chính" trên website được cập nhật thường xuyên: 1đ - Công khai thủ tục hành chính (TTHC) trên website đơn vị: 0,5đ	3			Báo cáo của đơn vị, Link website
3	100% viên chức có tài khoản thư điện tử chính thức: 0.5đ. Dưới 100%: 0đ.	0,5			Danh sách thư điện tử của viên chức của đơn vị
4	Cập nhật dữ liệu trên Cơ sở dữ liệu ngành, TEMIS theo quy định	0,5			BC của đơn vị + kiểm tra thực tế
5	Có kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm	0,5			Kế hoạch
6	Đơn vị có bổ sung, duy trì, nâng cấp trang thiết bị đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, dạy môn Tin học, dạy học trực tuyến và làm việc trực tuyến; đảm bảo kết nối cáp quang Internet tới đơn vị.	0,5			BC của đơn vị